



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG LẦN THỨ 3

Hải Phòng, tháng 04 năm 2022

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LẦN THỨ 3

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Những văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày/4/2022 thống nhất thông qua và chấp nhận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2015; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2016; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ hai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2019 như sau:

Điều 1. Sửa đổi mục 1.1 khoản 1, sửa đổi mục 1.2 khoản 1, sửa đổi mục 1.4 khoản 1, sửa đổi mục 1.5 khoản 1, sửa đổi mục 1.6 khoản 1, sửa đổi mục 1.7 khoản 1, sửa đổi mục 1.8 khoản 1, sửa đổi mục 1.10 khoản 1, bổ sung mục 1.11 khoản 1, bổ sung mục 1.12 khoản 1, bổ sung mục 1.13 khoản 1, bổ sung mục 1.14 khoản 1, bổ sung mục 1.15 khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ như sau:

1.1. “Vốn Điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

1.2. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

1.4. “Người quản lý công ty” (hay người quản lý doanh nghiệp tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp) bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không bao gồm các cán bộ quản lý khác tại mục b khoản 1 điều 34 Điều lệ này).

1.5. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

1.6. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và có tên trong danh sách cổ đông khi cổ phần hóa. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

1.7. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

1.8. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

1.10. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

1.12. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.13. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

1.14. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

1.15. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

Điều 2. Sửa đổi khoản 4 (người đại diện theo pháp luật), khoản 7 Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện trong Điều lệ như sau:

4. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

4.1. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động. Các tổ chức này hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Sửa đổi mục 30, bổ sung mục 31 khoản 4.1, Bổ sung mã ngành, nghề và sửa lại nội dung một số mã ngành, nghề chưa được chuẩn hóa theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; sửa đổi khoản 4.2 Điều 4- Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh trong điều lệ như sau:

4.1. Ngành, nghề kinh doanh của công ty là:

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác	3600 (Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Dạy nghề	8533
4.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Quản lý và kinh doanh điện	3512
5.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4222
6.	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường sắt	4211
7.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, hệ thống cấp, thoát nước	4322
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị ngành cấp, thoát nước	4663
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành cấp, thoát	4659

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
	nước	
15	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng	6810
16	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn nước tinh lọc, Bán buôn nước đá viên tinh khiết	4633
17	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
19	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610
20	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá	3530
21	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
22	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
23	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước tinh lọc	1104
24	Ngành Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất vật tư thiết bị ngành nước	3290
25	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo	8230
26	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm nghiệm chất lượng nước; Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh	7120
27	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị, công nghệ xử lý chất thải và chất thải rắn, động lực	3320
28	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn hệ thống quản lý chất lượng nước; Dịch vụ lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định dự án cấp nước; Quản lý các công trình cấp nước nội ngoại thành thành phố Hải Phòng; Tư vấn đấu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước; Hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước	7020
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa (bao gồm vận tải các chất oxy hóa, các ôxít hữu cơ và các chất ăn mòn phục vụ sản xuất nước sạch)	4933

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
30	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấu kiện, kết cấu chịu lực, áp lực; Thiết kế công trình điện dân dụng và công nghiệp; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ. Hoạt động tư vấn đấu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước; Hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước.	7110
31	Lập trình máy vi tính	6201

4.2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Điều 4. Sửa đổi khoản 3 Điều 5- Vốn điều lệ như sau:

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 5. Bổ sung khoản 5, bổ sung khoản 6, bổ sung khoản 7 Điều 6- Cổ phần như sau:

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã

chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Sửa đổi Điều 7- Chứng chỉ cổ phiếu như sau:

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

4. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông..

Điều 6. Sửa Điều 8- Chứng chỉ chứng khoán khác như sau:

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.

Điều 7. Sửa đổi tên điều 9, sửa đổi khoản 1, bỏ khoản 2, sửa đổi khoản 4, bỏ khoản 5, Điều 9- Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần như sau:

Điều 9 - Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Chào bán cổ phần riêng lẻ; Chào bán cổ phần ra công chúng.

Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 8. Sửa đổi Khoản 1, Sửa đổi mục 4.3 khoản 4 Điều 10- Chuyển nhượng cổ phần như sau:

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được

chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 9. Sửa đổi Khoản 4 Điều 12- Cổ đông như sau:

4. Người đại diện vốn nhà nước tại công ty: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Người đại diện vốn nhà nước có trách nhiệm tham khảo ý kiến của đảng ủy công ty khi xây dựng quy hoạch và đề xuất các người đại diện/người đại diện giữ các chức vụ quản lý tại công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Điều 10. Bổ sung mục 1.9, mục 1.10, mục 1.11 Khoản 1; sửa đổi khoản 2, bổ mục 2.1 khoản 2, sửa mục 2.4 khoản 2; sửa đổi khoản 3, bổ sung khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông như sau:

1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm 2.3. khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 14 - Nghĩa vụ của cổ đông như sau:

8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

9.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 12. Sửa đổi mục 1.1 khoản 1; Bỏ tiết 2.1.2, Sửa đổi tiết 2.1.3, Sửa đổi tiết 2.1.4 Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 - Đại hội đồng cổ đông như sau:

1.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

2.1.4. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

Điều 13. Sửa đổi tên điều, sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 2, bỏ khoản 3 Điều 18 - Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, bỏ khoản 3, sửa khoản 4 Điều 19 - Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Đại diện được ủy quyền như sau:

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho Công ty chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền từ cổ đông để dự họp không được ủy quyền lại cho bên thứ 3 khác dự họp thay.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

Điều 15. Sửa đổi mục 2.1, sửa đổi mục 2.3, bổ sung mục 2.4, bổ sung mục 2.5, bổ sung mục 2.6, bổ sung mục 2.7 Khoản 2; Sửa đổi khoản 3; Sửa đổi mục 5.2 Khoản 5; Sửa đổi khoản 6 Điều 20 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

2.5. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

2.6. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương

trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 16. Sửa đổi khoản 1, Sửa đổi khoản 2, Sửa đổi khoản 3 Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 17. Sửa đổi khoản 2, sửa đổi mục 4.1 khoản 4, sửa đổi khoản 6, bổ sung khoản 7, bổ sung khoản 8, bổ sung khoản 9, bổ sung khoản 10 Điều 22 - Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- 8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- 8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- 8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 18. Sửa đổi tên và nội dung điều 23. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

3.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.3 và 3.4 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

3.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.1, 3.3 và 3.4 Điều này.

3.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu

bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành

3.5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

5.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

5.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

5.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5.6. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5.7. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5.8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

5.9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5.10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có

quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5.11 Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 19. Sửa đổi mục 1.8, sửa đổi mục 1.9 Khoản 1; Sửa đổi khoản 4; Bổ sung khoản 5 Điều 24 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Sửa đoạn 1 Điều 25 - Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

Điều 21. Sửa đổi khoản 2, Sửa đổi khoản 3, Bổ sung mục 6.4 Khoản 6 Điều 26 Hội đồng quản trị như sau:

2.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử hai ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

6.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 22. Sửa đổi tên điều, sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 4 (mục 4.3, 4.4, 4.5), sửa đổi khoản 6; Bổ sung khoản 11, bổ sung khoản 12 Điều 28 - Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau:

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

4.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác

4.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

4.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

11.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

11.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

12. Người phụ trách quản trị Công ty

12.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

12.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

12.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Sửa đổi mục 1.2 Khoản 1, Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau:

1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời là Bí thư Đảng ủy công ty (trừ giai đoạn chuyển tiếp kiện toàn các chức danh giữa hai nhiệm kỳ).

Điều 24. Sửa đổi mục 1.7 Khoản 1, Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1.7. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 25. Sửa đổi khoản 1 Điều 34. Cán bộ quản lý như sau:

1. Phân cấp Cán bộ quản lý gồm:

a. Cán bộ quản lý cao cấp (quản lý cấp công ty): Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch/Giám đốc công ty con.

b. Cán bộ quản lý cấp trung (quản lý cấp phòng/Ban/ Chi nhánh):

+ Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Giám đốc Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố và các chức danh tương đương khác; đại diện của Công ty tham gia HĐQT/ HĐTV, Phó Giám đốc các công ty con, trưởng Văn phòng đại diện, Người phụ trách quản trị công ty.

+ Cấp phó và tương đương bao gồm: Phó trưởng các phòng; Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, Trợ lý Chủ tịch - Tổng Giám đốc; đại diện vốn của Công ty tại các công ty con/đơn vị thành viên, trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

c. Cán bộ quản lý cơ sở: Tổ trưởng các tổ nghiệp vụ (tổng hợp, kỹ thuật...), tổ vận hành, tổ bảo dưỡng sửa chữa, tổ quản lý và kinh doanh nước máy; phó trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/ quy định của đảng ủy và công ty về tổ chức cán bộ.

Điều 26. Sửa đổi khoản 1; Sửa đổi khoản 2; Sửa đổi mục 3.1, 3.2, bổ sung mục 3.5 khoản 3; bổ sung khoản 4.17 khoản 4 Điều 35- Tổng Giám đốc như sau:

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu)

3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Có trình độ chuyên môn và/hoặc kinh nghiệm làm việc thực tế trong quản trị hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; các chức danh trong Ban Điều hành công ty phải trải qua công tác tại công ty ít nhất 5 năm (tính đến thời điểm được bổ nhiệm).

3.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

4.17. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

Điều 27. Sửa đổi khoản 4, sửa đổi khoản 5 Điều 36- Ban Kiểm soát như sau:

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

5.1. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5.2. Từ 25 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

5.3. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

5.4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

5.5. Không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm liền trước đó.

5.6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 2, bỏ khoản 3, bỏ khoản 4 Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 36 điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Bổ sung đoạn 1; Sửa đổi khoản 3; Sửa đổi khoản 5 trong Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty như sau:

Đảng bộ là hạt nhân chính trị, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, phát triển doanh nghiệp, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần để công ty giữ vững vị trí then chốt trong lĩnh vực cấp nước, là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế xã hội thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, quy chế phân quyền và các quy chế khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị thông qua theo quy định.

5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, ban điều hành, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng. Chủ tịch HĐQT đồng thời là Bí thư Đảng ủy; Đảng ủy công ty xây dựng và ban hành quy chế hoạt động là cơ sở đảm bảo hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của BCH/BTV/Bí thư Đảng ủy/cấp ủy đối



với HĐQT/ BĐH/Phòng(ban, chi nhánh)/các đoàn thể, nhằm thực hiện vai trò của đảng bộ trong doanh nghiệp nhà nước.

Điều 30. Sửa đổi mục khoản 1, mục 1.2 khoản 1 Điều 43 - Công khai các lợi ích liên quan như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
1.2. Thông tin chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

Điều 31. Sửa đổi mục 1.3 khoản 1; Sửa đổi khoản 3 Điều 44 - Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận như sau:

1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; Các hợp đồng và giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp phê duyệt các giao dịch theo khoản 3 này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Điều 32. Sửa đổi mục 4.2 khoản 4 Điều 45 - Quyền của người lao động trong Công ty như sau:

4.2. Thông qua nội dung Thoả ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thoả ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Đại diện người sử dụng lao động.

Điều 33. Sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 2, sửa đổi khoản 3; Bổ sung khoản 4 Điều 48 - Hệ thống kế toán như sau:

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

4. Tài khoản ngân hàng

4.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

4.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

4.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 34. Sửa đổi tên điều và nội dung Điều 49- Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh

Điều 49. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 35. Sửa đổi tên và nội dung Điều 50 - Báo cáo hàng năm như sau:

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý; Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định

1712
GTY
HÁN
LƯOC
IONG
PHÁ

lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

1.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

1.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Sửa đổi Điều 51. Trả cổ tức như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 37. Sửa đổi Khoản 2 Điều 52 – Giải quyết tranh chấp nội bộ như sau:

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp

nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

Điều 38. Sửa đổi các mục từ 3.2 đến 3.6 Khoản 3 Điều 54 - Thanh lý như sau:

3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

3.3. Nợ thuế.

3.4. Các khoản nợ khác của Công ty.

3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.4) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 39. Sửa đổi Khoản 1; Sửa đổi khoản 2 Điều 55 - Tiếp nhận và công bố thông tin như sau:

1. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết theo quy định.

2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty được công bố tại khoản 1 nêu trên.

Điều 40. Sửa đổi Điều 58 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 41. Sửa đổi Điều 59 – Ngày hiệu lực như sau:

Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2022, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Điều lệ tổ chức và hoạt động được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng năm 2015, Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 2 năm 2019, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022 được hợp nhất các nội dung thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường



THUYẾT MINH SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TRÌNH ĐHCĐ 2022 THÔNG QUA



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
1	Cấu trúc Điều lệ	Gồm 9 chương, 60 điều	Gồm 9 chương, 60 điều	- Giữ nguyên cấu trúc và số lượng điều - Đổi tên và cập nhật nội dung tại một số điều phù hợp với điều lệ mẫu và quy định mới.
2	Phần mở đầu (Cập nhật các căn cứ theo các luật, nghị định, thông tư hiện hành)	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 26/9/2006; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	- Do hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản pháp luật mới.
3	Phần mở đầu (đoạn cuối)	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày 23/04/2019 thống nhất thông qua và chấp nhận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2015; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2016 như sau	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày .../04/2022 thống nhất thông qua và chấp nhận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2015; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2016; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ hai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2019 như sau	- Bổ sung thông tin lần sửa đổi gần nhất
4	Mục 1.1 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.1. “Vốn Điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này	1.1. “Vốn Điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục a.



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
5	Mục 1.2 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.2. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	1.2. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	- Do hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản pháp luật mới. - Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục c.
6	Mục 1.4 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.4.“Người quản lý công ty” (hay người quản lý doanh nghiệp tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp) bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không bao gồm các cán bộ quản lý khác tại mục b khoản 1 điều 34 Điều lệ này).	1.4.“Người quản lý công ty” (hay người quản lý doanh nghiệp tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp) bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không bao gồm các cán bộ quản lý khác tại mục b khoản 1 điều 34 Điều lệ này).	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục h. - Cập nhật điều theo luật DN mới
7	Mục 1.5 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.5. “Cổ đông” là bất kỳ tổ chức, cá nhân đăng ký tên trong sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty;	1.5. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục k.
8	Mục 1.6 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.6. “Cổ đông phổ thông” là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông	1.6. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và có tên trong danh sách cổ đông khi cổ phần hóa. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.	- Cho nhất quán với các thuật ngữ định nghĩa của Điều lệ mẫu, không định nghĩa “Cổ đông phổ thông”. - Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục l, mục m.
9	Mục 1.7 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.7. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	1.7. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục i.
10	Mục 1.8 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.8. “Người đại diện theo uỷ quyền” là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	1.8. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	- Để tránh chồng chéo nội dung, do nội dung này cũng quy định tại Điều lệ điều 19 khoản 1 - Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 không đề cập nội dung này.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
				- Bổ sung khái niệm “Người có quan hệ gia đình” theo yêu cầu Sở KHĐT. Khoản 22 điều 4 luật DN
11	Mục 1.10 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.10. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	1.10. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	- Do hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản pháp luật mới.
12	Mục 1.11 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	Thuật ngữ “Tổng Giám đốc điều hành” trong Điều lệ sửa đổi nhất quán thành “Tổng Giám đốc”.	{Bỏ nội dung này}	- Do trong bản Điều lệ sửa đổi lần 2 đã chuyển hết thuật ngữ này thành “Tổng Giám đốc”
13	Khoản 1, Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	{Chưa đề cập}	1.12. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 1.13. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. 1.14. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua. 1.15. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục b; g; n; o.
14	Khoản 4, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện	4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	4. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty 4.1. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	- Tham chiếu theo Điều lệ mẫu –Điều 3. - Luật Doanh nghiệp Điều 12 khoản 1, Điều 13 khoản 1.

02
C
C
C
C
H
3 BA

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			<p>4.2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.</p>	
15	Khoản 7, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện	7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội. Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.	7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động. Các tổ chức này hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của luật doanh nghiệp.	- Chuẩn hóa đối tượng là các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động trong công ty theo điều 6 Luật doanh nghiệp.
16	Khoản 4.1, Điều 4	{Chưa đề cập}	Bổ sung mã ngành, nghề và sửa lại nội dung một số mã ngành, nghề chưa được chuẩn hóa theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	- Theo văn bản số 908/KHĐT-DN của sở KHĐT tham gia ý kiến sửa đổi.
17	Mục 30, Khoản 4.1, Điều 4 – Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh	30. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công	30. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và	- Bổ sung một số mã ngành cấp 4.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ.	hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấu kiện, kết cấu chịu lực, áp lực; Thiết kế công trình điện dân dụng và công nghiệp; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ.	
18	Mục 31, Khoản 4.1, Điều 4 – Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh	{Chưa đề cập}	31. Lập trình máy vi tính	- Bổ sung một số mã ngành cấp 3.
19	Khoản 4.2, Điều 4 – Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh	4.2. Ngoài các ngành nghề tại mục 4.1 nêu trên, Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh thêm trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	4.2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.	- Tham khảo Điều lệ mẫu điều 5.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
20	Khoản 3, Điều 5 – Vốn Điều lệ	<p>3. Điều chỉnh vốn điều lệ:</p> <p>3.1. Ngoài vốn điều lệ ban đầu, Công ty được quyền huy động vốn để phát triển sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về việc huy động vốn theo quy định của pháp luật. Tùy tình hình cụ thể của từng thời kỳ hoạt động, vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh lại để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.</p> <p>3.2. Sau khi Công ty cổ phần Cấp nước hoạt động chính thức hoạt động theo luật doanh nghiệp, cổ đông nhà nước được quyền quyết định việc bán tiếp cổ phần đang sở hữu để đảm bảo tỷ lệ vốn Nhà nước theo quy định.</p> <p>3.3. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và Công ty đăng ký lại vốn điều lệ với Cơ quan có thẩm quyền cấp Đăng ký kinh doanh.</p>	<p>3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>- Điều lệ mẫu điều 6 khoản 2.</p>
21	Điều 6 – Cổ phần	<p>{Chưa đề cập}</p>	<p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	<p>- Điều lệ mẫu điều 6 khoản 5, khoản 6, khoản 7. (Khoản 1 đến khoản 4 trong điều 6 Điều lệ mẫu đã nêu trong điều 6 Điều lệ hiện hành).</p>

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
22	Điều 7 – Chứng chỉ cổ phiếu	<p>Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ chứng nhận sở hữu cổ phần (gọi tắt là cổ phiếu) tương ứng với số cổ phần, loại cổ phần họ sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>- Điều lệ mẫu - Điều 7</p> <p>- Thời hạn tại khoản 3 điều này tham chiếu thời hạn như quy định tại Điều lệ hiện tại</p>
23	Điều 8 – Chứng chỉ chứng khoán khác	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của</p>	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp</p>	<p>- Điều lệ mẫu Điều 8 – Chứng chỉ chứng khoán khác</p>

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.	mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.	Chứng khoán khác (ngoài cổ phiếu) như: trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng quyền, chứng khế...
24	Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	Điều 9 - Chào bán cổ phần	- Đổi tên điều 9 do không còn nội dung và Thu hồi cổ phần trong điều này (đề cập ở điều 10 điều lệ mẫu).

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
25	Khoản 1, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	<p>1. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ.</p> <p>1.2. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành.</p> <p>1.3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác và xác nhận bằng văn bản.</p> <p>1.4. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết</p>	<p>1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.</p> <p>Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Chào bán cổ phần riêng lẻ; Chào bán cổ phần ra công chúng.</p> <p>Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.</p>	<p>- Luật doanh nghiệp điều 123 khoản 1, 2, 4.</p> <p>- Chuẩn hóa khái niệm chào bán với công ty đại chúng theo luật doanh nghiệp.</p>

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác, hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.</p>		
	<p>Khoản 2, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần</p>	<p>2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ hiện có của họ ở Công ty.</p>	<p>{Bỏ nội dung này}</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thâm quyền liên quan chào bán thuộc ĐHĐCĐ. - Chào bán cổ phần với công ty đại chúng đã quy định rất cụ thể trong mục 2 nghị định 155. - Đã đề cập ở khoản 4 điều này.
<p>2</p>	<p>Khoản 4, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần</p>	<p>4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p>	<p>4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p>	<p>Luật doanh nghiệp điều 123 khoản 3. Đối tượng công ty đại chúng thì tất cả các hình thức chào bán đều phải theo pháp luật về chứng khoán.</p>
<p>3</p>	<p>Khoản 5, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần</p>	<p>5. Thu hồi cổ phần 5.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p>	<p>{Bỏ nội dung này}</p>	<p>Theo điều 10 điều lệ mẫu, nội dung này chỉ áp dụng đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, công ty ko trong trường hợp này nên ko cần nội dung này</p>

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>5.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>5.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>5.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>5.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>		



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
4	Khoản 1, Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	1. Các cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng ngoại trừ các cổ phiếu mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản, giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nộp giấy chuyển nhượng cho Công ty, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng và đăng ký điều chỉnh vào sổ đăng ký cổ đông và cấp lại cổ phiếu (nếu cần).	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	- Điều lệ mẫu - Điều 9 khoản 1.
5	Khoản 4, Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	4.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của	4.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau: a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần	- Theo công văn số 928/KHĐT-DN ngày 20/4/2022 tham gia ý kiến của sở KHĐT.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	<p>chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	
6	Khoản 4, Điều 12. Cổ đông	<p>4. Cổ đông nhà nước: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.</p> <p>Người đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước, có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp; thực hiện đúng nhiệm vụ được chủ sở hữu nhà nước giao theo quy định hiện hành của Nhà nước; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.</p>	<p>4. Người đại diện vốn nhà nước tại công ty: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.</p> <p>Người đại diện vốn nhà nước có trách nhiệm tham khảo ý kiến của đảng ủy công ty khi xây dựng quy hoạch và đề xuất các người đại diện/người đại diện giữ các chức vụ quản lý tại công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.</p>	<p>- Đối tiêu đề cho đúng với thuật ngữ và nội dung nêu trong khoản mục này.</p> <p>- Phù hợp với việc quy hoạch người đại diện theo nghị định 159/ND/ND-CP; Tuân thủ với quy định số 48-QĐ/TW của BCH TW về chức năng nhiệm vụ của đảng bộ/chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước, điều 4 lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ.</p>
7	Khoản 1, Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	{Chưa đề cập}	<p>1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các</p>	<p>- Điều lệ mẫu - Điều 12 khoản 1 tiết i,k,l – Quyền của cổ đông</p>



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông. 1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật. 1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	
8	Khoản 2 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	2. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền sau:	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	- Tham chiếu tỷ lệ theo Điều lệ mẫu – Khoản 2 Điều 12 – Quyền của cổ đông. - Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
9	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	2.1. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3, Điều 26 và khoản 3, Điều 36 Điều lệ này.	{Bỏ nội dung này}	- Điều lệ mẫu – Khoản 2 Điều 12 – Quyền của cổ đông: không đề cập nội dung này. - Nội dung này cũng đã thể hiện chi tiết hơn tại các khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 36.
10	Mục 2.4 Khoản 2 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu	2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng	

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	
11	Khoản 3 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	3. Các quyền khác theo Quy định của Pháp luật hiện hành và của Điều lệ này.	<p>3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm 2.3. khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>5. Quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	- Theo công văn số 908/KHDT- DN góp ý và Điều 115 Luật DN
12	Điều 14 – Nghĩa vụ của cổ đông	{Chưa đề cập}	8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng	- Khoản 5, khoản 6, Điều 13 – Điều lệ mẫu;

01
NG
PH
NU
PH
3.T.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			<p>thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>9.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>- Điều 119 – Luật Doanh nghiệp</p>
13	Mục 1.1 Khoản 1 Điều 17 – Đại hội đồng cổ đông	<p>1.1. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan Đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 139 – Luật Doanh nghiệp</p>
14	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 – Đại hội đồng cổ đông	<p>2.1.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất 20%.</p>	<p>{Bỏ tiêu mục này}</p>	<p>- Khoản 4, Điều 14 – Điều lệ mẫu không có nội dung này;</p> <p>- Khoản 1 Điều 140 – Luật Doanh nghiệp không đề cập</p>
15	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 – Đại hội đồng cổ đông	<p>2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn 50% số thành viên quy định trong Điều lệ này.</p>	<p>2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Điểm b) Khoản 1 Điều 140 – Luật Doanh nghiệp</p>
16	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 – Đại hội đồng cổ đông	<p>2.1.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Khi yêu cầu triệu tập họp phải lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy CMND, Hộ chiếu</p>	<p>2.1.4. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu</p>	<p>- Mục c Khoản 3, Điều 14 – Điều lệ mẫu.</p>

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>hoặc chứng thực hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.</p>	
17	<p>Sửa đổi tên Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p>	<p>Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p>	<p>- Theo điều 15 Điều lệ mẫu</p>
18	<p>Khoản 1 Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: 1.1. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm. 1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty. 1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty. 1.4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 1.5. Báo cáo của các Kiểm toán viên (nếu có). 1.6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty. b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần. c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm. g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</p>	<p>- Theo khoản 1 điều 15 Điều lệ mẫu</p>

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			<p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
19	Khoản 2 Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>2.1. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.</p> <p>2.4. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>2.5. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo quyết toán tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng</p>	- Theo khoản 2 điều 15 Điều lệ mẫu

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.</p> <p>2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.</p> <p>2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.</p> <p>2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.</p> <p>2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.</p> <p>2.12. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>2.13. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.</p> <p>2.14. Đối với hợp đồng ký kết với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 44 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo điều 44 Điều lệ này.</p> <p>2.15. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
20	Khoản 3 Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.	<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>3.1. Các hợp đồng quy định tại mục 2.14, khoản 2 của Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p>	{Bỏ nội dung này}	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 15 không đề cập. - Đã quy định cụ thể tại điều 44 Điều lệ, điều 167 Luật Doanh nghiệp.
21	Điều 19 – Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Đại diện được ủy quyền	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 điều 144 – Luật Doanh nghiệp. - Điều lệ mẫu – Điều 16 khoản 1
22		<p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>2.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông (là tổ chức) là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền cho Công ty ít</p>	<p>2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản uỷ quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông uỷ quyền, tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền, số lượng cổ phần được uỷ quyền, nội dung uỷ quyền, phạm vi uỷ quyền, thời hạn uỷ quyền, chữ ký của bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền cho Công ty chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cá nhân, tổ chức được uỷ quyền từ cổ đông để dự họp không được uỷ quyền lại cho bên thứ 3 khác dự họp thay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 điều 144 – Luật Doanh nghiệp. - Điều lệ mẫu – Điều 16 khoản 2

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
23		nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.		
		3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	{Bỏ nội dung này}	- Điều lệ mẫu – Điều 16 – Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: không đề cập nội dung này. - Nội dung này không được đề cập tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp về Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
24	Điều 19 – Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Đại diện được uỷ quyền	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 13 của Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	4. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ.
25	Khoản 2 điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	- Điều lệ mẫu mục a khoản 2 Điều 18 (bổ sung thời gian tối đa là 10 ngày từ lúc chốt danh sách đến lúc gửi thông báo)
26	chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của các cổ đông.	2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	- Điều lệ mẫu mục e khoản 2 Điều 18
27		{Chưa đề cập}	2.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội. 2.5. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội. 2.6. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.	- Điều lệ mẫu mục b,c,d,g khoản 2 Điều 18

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
28	Khoản 3 điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	- Điều lệ mẫu khoản 3 Điều 18 - Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.
29	Mục 5.2 Khoản 5 điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.	5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.	- Tham chiếu theo tỷ lệ theo Điều lệ mẫu điều 18 khoản 5 mục b; - Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
30	Khoản 6 điều 20. Triệu tập Đại hội	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này	- Điều lệ mẫu điều 18 khoản 6;

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
	đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông		vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	- Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
31	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa đổi điều lệ.
32	Khoản 2 Điều 22 – Thể thức tiến	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu	- Mục a khoản 1 điều 20 điều lệ mẫu.



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
	hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.	quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	
33	Khoản 4 Điều 22 – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ tọa cuộc họp hoặc các thành viên còn lại bầu một người trong số họ có chức vụ cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 20 khoản 2, mục a - Mục a khoản 2 điều 146 Luật Doanh nghiệp
34	Khoản 6 Điều 22 – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	6. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.	6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4 điều 20 điều lệ mẫu.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			<p>đồng.</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
35	Điều 22 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	{Chưa đề cập}	<p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>- Điều lệ mẫu điều 20 khoản 7</p> <p>- Khoản 7 điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>
36	Điều 22 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	{Chưa đề cập}	<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.</p> <p>8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.</p>	<p>- Điều lệ mẫu điều 20 khoản 8</p> <p>- Khoản 8 điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>

200
CÔNG
CỔ P
ÁP P
ÁP P
4NG

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	
37		{Chưa đề cập}	9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 20 khoản 9 - Khoản 9 điều 146 Luật Doanh nghiệp
38		{Chưa đề cập}	10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 20 khoản 10
39	Điều 23- Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông			<ul style="list-style-type: none"> - Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ. - Theo điều 147, 148 Luật Doanh nghiệp.
40	Mục 1.8, Khoản 1, Điều 24 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1.8. Các quyết định đã được thông qua	1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 23, khoản 1, mục h).
41	Mục 1.9, Khoản 1, Điều 24 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.	1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 23, khoản 1, mục i). - Mục i), khoản 1, Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
42	Khoản 4, Điều 24 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Đối với các cổ đông làm việc tại Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công khai tại bảng tin của đơn vị trực thuộc chậm nhất năm (05) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp và duy trì trong thời gian mười lăm (15) ngày. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	- Điều lệ mẫu điều 23, khoản 1, mục i); - Mục i), khoản 1, Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
43	Khoản 5, Điều 24 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	{Chưa đề cập}	5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	- Điều lệ mẫu khoản 3, Điều 23; - Khoản 4, Điều 150 Luật Doanh nghiệp
44	Sửa đoạn 1, khoản 1 Điều 25 – Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ này.	- Điều lệ mẫu Điều 24 - Điều 151 Luật doanh nghiệp

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
45	Khoản 2 Điều 26 Hội đồng quản trị	2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.	<p>2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 	- Điều lệ mẫu Điều 25 Khoản 1 (bổ sung mục 2.1)
46		3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử hai ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử ba ứng	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa đổi điều lệ.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		đề cử hai ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	
47	Khoản 6 Điều 26 Hội đồng quản trị	{Chưa đề cập}	6.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	- Điều lệ mẫu Điều 25 Khoản 4 - Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp
48	Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	Điều 28 - Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	- Đổi tên điều theo điều 27 Điều lệ mẫu
49	Khoản 1 Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	- Khoản 1, điều 27 Điều lệ mẫu
50		4. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.	4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	- Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu
51	Khoản 4 Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	4.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.	4.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.	- Mục c Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu
52		4.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	4.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	- Mục d Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu
53		4.5. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty được chào bán, nhưng không quá 10% số lượng cổ phần chào bán trong mỗi chu kỳ mười hai tháng.	4.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.	- Mục đ Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
54	Khoản 6, Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo đó sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.	6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu Điều 27 Khoản 3 - Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
55	Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	{Chưa đề cập}	<p>11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>11.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>11.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu Điều 31
56	Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	{Chưa đề cập}	<p>12. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>12.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu Điều 32 - Bổ sung theo Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			<p>12.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>12.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
57	Khoản 1, Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời là Bí thư Đảng ủy công ty (trừ giai đoạn chuyển tiếp kiện toàn các chức danh giữa hai nhiệm kỳ).	- Phù hợp với nguyên tắc người đứng đầu về chính quyền trong DNNN cũng là người đứng đầu về Đảng (Điều 5



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
				khoản 4 quy định số 48-QĐ/TW).
58	Khoản 1, Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản	1.7. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm còn ít hơn 50% so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	1.7. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	Luật doanh nghiệp mục a khoản 4 điều 160 Sửa đoạn cuối mục 1.7
59	Điều 34. Cán bộ quản lý	<p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý gồm:</p> <p>a. Cán bộ quản lý cao cấp: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</p> <p>b. Cán bộ quản lý khác:</p> <p>+ Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, ban, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Phó Giám đốc phụ trách Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố có hệ số lương tương đương trưởng phòng, đại diện của Công ty tham gia lãnh đạo các liên doanh, trưởng Văn phòng đại diện và tương đương.</p> <p>+ Cấp phó và tương đương bao gồm: các phó phòng, ban, Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, đại diện của</p>	<p>1. Phân cấp Cán bộ quản lý gồm:</p> <p>a. Cán bộ quản lý cao cấp (quản lý cấp công ty): Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch/Giám đốc công ty con.</p> <p>b. Cán bộ quản lý cấp trung (quản lý cấp phòng/Ban/Chi nhánh):</p> <p>+ Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Giám đốc Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố và các chức danh tương đương khác; đại diện của Công ty tham gia HĐQT/ HĐTV, Phó Giám đốc các công ty con, trưởng Văn phòng đại diện, Người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>+ Cấp phó và tương đương bao gồm: Phó trưởng các phòng; Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, Trợ lý Chủ tịch – Tổng Giám đốc; đại diện vốn của Công ty tại các công ty con/đơn vị thành viên, trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.</p> <p>c. Cán bộ quản lý cơ sở: Tổ trưởng các tổ nghiệp vụ (tổng hợp, kỹ thuật...), tổ vận hành, tổ bảo dưỡng sửa chữa, tổ quản lý và kinh doanh nước máy; phó trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.</p>	Chuẩn hóa khái niệm và phù hợp với phân cấp cán bộ hiện tại của công ty

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		Công ty tham gia làm trưởng các phòng ban tại các liên doanh, Trợ lý Chủ tịch – Tổng Giám đốc.	d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/ quy định của đảng ủy và công ty về tổ chức cán bộ.	
60	Khoản 1 Điều 35. Tổng Giám đốc	1. Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.	1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ.
61	Khoản 2 Điều 35. Tổng Giám đốc	2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu)	2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu)	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ. - Khoản 2 điều 162 Luật DN
62	Mục 3.1 Khoản 3 Điều 35. Tổng Giám đốc	3.1. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.	3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ. - Khoản 2 điều 17 Luật DN
63	Mục 3.2 Khoản 3 Điều 35. Tổng Giám đốc	3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.	3.2. Có trình độ chuyên môn và/hoặc kinh nghiệm làm việc thực tế trong quản trị hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; các chức danh trong Ban Điều hành công ty phải trải qua công tác tại công ty ít nhất 5 năm (tính đến thời điểm được bổ nhiệm).	- Quy định rõ tiêu chuẩn để áp dụng được chính xác. - Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch.
64	Mục 3.5 Khoản 3 Điều 35. Tổng Giám đốc	{Chưa đề cập}	3.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ.



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
65	Mục 4.17 Khoản 4 Điều 35. Tổng Giám đốc	{Chưa đề cập}	4.17. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ. - Khoản 3 điều 162 Luật DN
66	Khoản 4 Điều 36. Ban Kiểm soát	<p>4. Thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng ban kiểm soát được bầu trong số thành viên ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên trách làm việc tại Công ty.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 38.
67	Khoản 5 Điều 36. Ban Kiểm soát	<p>5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>5.1. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>5.2. Từ 25 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5.3. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>5.4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, con rể, con dâu, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.</p>	<p>5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>5.1. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>5.2. Từ 25 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5.3. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>5.4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 37 khoản 2. - Khoản 2 điều 169 Luật DN - Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			5.5. Không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm liền trước đó. 5.6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	
68	Khoản 3, Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Thẩm định tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và đưa ra khuyến nghị về Hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ. - Khoản 3, khoản 4 điều 170 Luật DN
69	Khoản 4, Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng.	4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông.	- Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ.

017
 VG
 PHA
 NU
 HO
 T.P

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
70	Khoản 5, Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo công văn số 908/KHĐT-DN góp ý sửa điều lệ. - Khoản 3, khoản 4 điều 170 Luật DN
71	Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát	<p>Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 5 Điều 36 của Điều lệ này. 2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. 3. Có đơn xin từ chức. 4. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu vi phạm các quy định về nghĩa vụ của thành viên ban kiểm soát. 	<p>1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 36 điều lệ này; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; <p>2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công. b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu điều 37 khoản 3, khoản 4.
72	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	<p>Điều 41. Tổ chức đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty.</p> <p>Đảng bộ là hạt nhân chính trị, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện có hiệu quả nhiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ với quy định số 48-QĐ/TW của BCH TW về chức năng nhiệm vụ của đảng bộ/chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			vụ chính trị, phát triển doanh nghiệp, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần để công ty giữ vững vị trí then chốt trong lĩnh vực cấp nước, là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế xã hội thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh.	
73	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế để Hội đồng quản trị thông qua: Quy chế tuyển dụng lao động; tổ chức cán bộ; trả lương theo mức độ hoàn thành công việc; thực hiện dân chủ; thỏa ước lao động tập thể; chi tiêu nội bộ; kỷ luật, sa thải; thi đua khen thưởng... đối với người lao động và người quản lý.	3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, quy chế phân quyền và các quy chế khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị thông qua theo quy định.	- Phù hợp với khoản 4.10 điều 28 Điều lệ - Phù hợp với mục 1 khoản 2 điều 153 Luật Doanh nghiệp.
74	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng.	5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, ban điều hành, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng. Chủ tịch HĐQT đồng thời là Bí thư Đảng ủy; Đảng ủy công ty xây dựng và ban hành quy chế hoạt động là cơ sở đảm bảo hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của BCH/BTV/Bí thư Đảng ủy/cấp ủy đối với HĐQT/ BĐH/Phòng(ban, chi nhánh)/các đoàn thể, nhằm thực hiện vai trò của đảng bộ trong doanh nghiệp nhà nước.	- Đảm bảo, thuận tiện việc lãnh đạo Đảng ủy lãnh đạo HĐQT thực hiện trách nhiệm/quyền hạn được giao (quy định số 48-QĐ/TW của BCH TW). - Phù hợp với nguyên tắc người đứng đầu về chính quyền trong DNNN cũng là người đứng đầu về Đảng (Điều 5 khoản 4 quy định số 48-QĐ/TW).
75	Khoản 1 Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan	1. Người quản lý Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:	- Theo công văn số 928/KHĐT-DN sở KHĐT Thống nhất nội dung sửa điều lệ.

127
TV
N
SC
VG
HẢI P

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
76	Mục 1.2 Khoản 1 Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan	1.2. Thông tin chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp trên 25% vốn điều lệ.	1.2. Thông tin chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo công văn số 908/KHĐT-DN sở KHĐT góp ý sửa điều lệ. - Khoản 2 điều 164 Luật DN
77		1.3 Doanh nghiệp theo quy định tại luật doanh nghiệp điều 159 khoản 2.	1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật doanh nghiệp điều 167 khoản 1 mục c
78	Điều 44 – Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo công văn số 908/KHĐT-DN sở KHĐT góp ý sửa điều lệ.
79		3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến	3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; Các hợp đồng và giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu Điều 47 khoản 6 mục b. - Mục b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. - Luật doanh nghiệp điều 167 khoản 3.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p>	<p>đồng sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Trường hợp phê duyệt các giao dịch theo khoản 3 này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p>	
80	Khoản 4 Điều 45. Quyền của người lao động trong Công ty	4.2. Thông qua nội dung Thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Tổng Giám đốc Công ty.	4.2. Thông qua nội dung Thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Đại diện người sử dụng lao động.	- Phù hợp với thực tế
81	Điều 48. Hệ thống kế toán	Điều 48. Hệ thống kế toán	Điều 48. Chế độ kế toán	- Đổi tên điều theo điều 54 điều lệ mẫu
82	Khoản 1, khoản 2 Điều 48. Hệ thống kế toán	<p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p>	<p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p>	- Khoản 1, khoản 2 điều 54 điều lệ mẫu
83	Điều 48. Hệ thống kế toán	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự	- Điều lệ mẫu Điều 54 khoản 3.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			<p>chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	
84	Điều 48. Hệ thống kế toán	{Chưa đề cập}	<p>4. Tài khoản ngân hàng</p> <p>4.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>4.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>4.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	- Điều lệ mẫu Điều 55.
85	Điều 49. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh	<p>Điều 49. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>1. Việc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định của Luật phá sản.</p> <p>3. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.</p>	<p>Điều 49. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.</p>	- Sửa đổi cho phù hợp với thuật ngữ kế toán.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
86	Điều 50 – Báo cáo hàng năm	<p>Điều 50. Báo cáo hàng năm</p> <p>1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Hội đồng quản trị lựa chọn.</p> <p>4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý; Báo cáo thường niên</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>1.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>1.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường</p>	<p>- Điều lệ mẫu Điều 55, 56, 57. - Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Khoản 2, Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Mục m, khoản 1 điều 138 Luật Doanh nghiệp.</p>

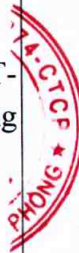
TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			<p>chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
87	Điều 51. Trả cổ tức	<p>Điều 51. Trả cổ tức</p> <p>1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức cho cổ đông.</p> <p>5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.</p> <p>Khi trả cổ tức bằng các dịch vụ tín dụng theo yêu cầu của cổ đông mà cổ đông đó không nhận</p>	<p>Điều 51. Trả cổ tức</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác</p>	<p>- Điều lệ mẫu Điều 51 khoản 1, 2, 3, 4, 5 (chuẩn hóa các nội dung liên quan đến việc chi trả cổ tức theo Điều lệ mẫu).</p>

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>được tiền do lỗi thông tin do cổ đông đó cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể quy định một ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể. Căn cứ theo ngày đó, những người có tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.</p> <p>8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.</p>	<p>định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	

171
 3 T
 IAN
 UO
 ON
 PHA

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
88	Khoản 2 Điều 52 – Giải quyết tranh chấp nội bộ	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.	- Điều lệ mẫu điều 62 khoản 2.
89	Khoản 3 Điều 54 – Thanh lý	3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên. 3.3. Thuế và các khoản phải nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước 3.4. Các khoản vay (nếu có). 3.5. Các khoản nợ khác của Công ty. 3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.	3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết. 3.3. Nợ thuế. 3.4. Các khoản nợ khác của Công ty. 3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.4) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	- Điều lệ mẫu điều 61.
90	Khoản 1, khoản 2 Điều 55. Tiếp nhận và công bố thông tin	Điều 55. Tiếp nhận và công bố thông tin 1. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước (SSC) các nội dung quy định theo điều 108, 109 Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. 2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh.	Điều 55. Tiếp nhận và công bố thông tin 1. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết theo quy định. 2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty được công bố tại khoản 1 nêu trên.	- Phù hợp với quy định của pháp luật về công bố thông tin của công ty đại chúng và công ty nhà nước.
91	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác	- Điều lệ mẫu chương XX, điều 63.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		<p>2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Điều lệ và Hội đồng quản trị phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	
92	Điều 59. Ngày hiệu lực	<p>Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2022, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Điều lệ tổ chức và hoạt động được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng năm 2015, Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 2 năm 2019, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022 được hợp nhất các nội dung thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.</p>	<p>- Theo Công văn soso/KHĐT-DN về thống nhất các nội dung sửa đổi điều lệ.</p>
93	Đoạn cuối của trang cuối (phía trước ký duyệt)	<p>Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi, bổ sung lần 2 này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2019, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2019; Điều lệ tổ chức và hoạt động, Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần 1, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 2 được hợp nhất các nội dung thành</p>	<p>{Bỏ nội dung này}</p>	<p>- Đã nêu ở điều 59</p>



TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.		